

PHỤ LỤC IX. BIỂU TỔNG HỢP THỐNG KÊ CÁC ĐƯỜNG NGANG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 34/2025/TT-BXD ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

A. Biểu tổng hợp thống kê các đường ngang cho từng tuyến đường sắt theo địa giới hành chính quản lý

(Tính đến tháng... Năm 20...)

TT	Tuyến đường sắt	Số lượng đường ngang				Số lượng đường ngang nguy hiểm đến ATGT đang tổ chức cảnh giới			Ghi chú
		Có gác		Cảnh báo tự động		Biển báo	Do địa phương thực hiện	Do doanh nghiệp kinh doanh KCHTĐS thực hiện	
		Cần chắn	Dàn chắn	Có cần chắn	Khôn g có cần chắn				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Thuộc địa bàn tỉnh, thành phố ...								
1	Tuyến đường sắt...								
2	Tuyến đường sắt...								
	Cộng:								
II	Thuộc địa bàn tỉnh, thành phố ...								
1	Tuyến đường sắt...								
..	...								
	Cộng:								
	Tổng cộng:								

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký
số của cơ quan, tổ chức)
Họ và tên

B. Số liệu quản lý đường ngang cho từng tuyến đường sắt

1. Tuyến đường sắt:.....

(Tính đến tháng ... năm)

|--|

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền,

dấu/chữ ký số của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên

Hướng dẫn ghi trong tổng hợp số liệu đường ngang:

- (6) Cấp đường ngang: Ghi rõ cấp I, II hay III.
- (7) Góc giao cắt với đường bộ (độ).
- (8) Bán kính đường cong của đường sắt tại vị trí đường ngang (nếu có).
- (9) Tính chất phục vụ: Công cộng (CC) hay chuyên dùng (CD).
- (10) Hình thức tổ chức phòng vệ (có người gác, CBTĐ, BB); Dàn chắn (DC)/cản chắn (CC).
- (11) Cảnh giới (Địa phương cảnh giới (ĐP) hoặc doanh nghiệp quản lý tài sản đường sắt quốc gia hoặc chủ quản lý, sử dụng đường sắt chuyên dùng cảnh giới (DN).
- (12) Đường bộ giao cắt với đường sắt; ví dụ (ĐT.265 hoặc vào chùa Tứ Kỳ)
- (13) Kết cấu mặt đường bộ trong lòng đường sắt “(tấm đan bê tông cốt thép (TĐ) hoặc bê tông nhựa (BTN))”.
- (14) Kết cấu mặt đường bộ từ mép ray chính ngoài cùng trở ra mỗi bên từ 1m hoặc 2m “(tấm đan bê tông cốt thép (TĐ) hoặc bê tông nhựa (BTN))”.
- (15) Kết cấu mặt đường bộ phần còn lại bằng “(bê tông nhựa (BTN) hoặc bê tông xi măng (BTXM))”.
- (16) Chiều rộng phần xe chạy của đoạn đường bộ trong phạm vi đường ngang (m).
- (17) Độ dốc của đường bộ (trường hợp đường ngang trên đoạn đường sắt cong tròn (CT a%) hay trường hợp vi phạm quy định về đường ngang (VP a%).
- (25) Ghi rõ thời hạn sử dụng của đường ngang (lâu dài, có thời hạn sử dụng. Trường hợp đường ngang đã hết hạn thời hạn sử dụng phải nêu rõ lý do).
- (26) Ghi rõ số vụ và thời gian xảy ra tai nạn tại đường ngang.
- (27) Nêu rõ tình hình hoạt động của thiết bị chắn đường ngang.
- (28) Nêu rõ tình trạng hồ sơ quản lý đường ngang theo quy định tại Thông tư này.

C. Số liệu về xây dựng công trình trong phạm vi đất dành cho đường sắt

(Tính từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm)

STT	Tên công trình	Địa điểm xây dựng	Số giấy phép	Ngày khởi công		Ngày hoàn thành		Chủ, nhà đầu tư
				Theo giấy phép	Thực tế thi công	Theo giấy phép	Thực tế thi công	
I	Tuyến đường sắt...							
1	...							
2	...							

...	...							
-----	-----	--	--	--	--	--	--	--

Người lập biểu
(Ký, ghi rõ họ tên)

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
*(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký
số của cơ quan, tổ chức)*
Họ và tên